

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 31/03/2023

“Về tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Ông Hoàng Minh Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969

Trú tại: Khối H (khối 08 cũ), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1972

Trú tại: Khối H (khối 08 cũ), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T – Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị P – Cán bộ địa chính UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/11/2022, tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 và đã có 02 người con chung. Đến năm 2009, bà H đi làm ăn xa, đến năm 2017 thì vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn. Bà H đi làm ăn đến tháng 05 năm 2022 mới trở về địa phương. Do vợ chồng xa cách nhau nên không còn thông cảm, yêu thương nhau. Nay ông Hoàng Văn T đề nghị Tòa án không công nhận ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có 02 con chung là Hoàng Văn G, sinh ngày 03/11/1994 và Hoàng Thị H, sinh ngày 22/09/1996. Hoàng Văn G và Hoàng Thị H đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Hoàng Văn T khai vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 830, tờ bản đồ số 46, diện tích 233m² tại khối 08 (Nay là khối H), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An (*sau đây gọi tắt là thửa đất 830*). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 752583 mang tên Hoàng Văn T, Phùng Thị H. Trên thửa đất số 830, có một ngôi nhà cấp 4, trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn T có nguyện vọng chia đôi số tài sản trên. Bà Phùng Thị H và ông Hoàng Văn T mỗi người được hưởng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 116m² của thửa đất số 830. Về ngôi nhà trên đất chia theo phần diện tích đã chia, phần nhà nằm ở phần diện tích nào thì người đó được hưởng.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2022, quá trình sử dụng thửa đất số 830, ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có xây dựng công trình 4,5m² sân nền, 4,5m² mái tôn chồng lán sang một phần thửa đất BCS và 02 trụ cổng, 1,3m tường gạch tấp lô phía Nam chồng lán đường thuộc quyền quản lý của UBND phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có trách nhiệm tháo dỡ, chịu mọi chi phí tháo dỡ phần tài sản chồng lán, trả lại nguyên hiện trạng đất.

Quá trình tố tụng, ông T có thay đổi lời khai, ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

Về nghĩa vụ tài sản chung, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Phùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị H và ông Hoàng Văn T không đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 và đã có 02 người con chung. Từ năm 2009, bà H thường xuyên đi làm ăn xa ở Hà Nội. Mỗi năm bình quân, bà H về nhà khoảng 2, 3 lần vào ngày lễ tết. Hiện tại, bà H vẫn đang đi làm ăn ở Hà Nội, thỉnh thoảng có về nhà. Quá trình bà H đi làm ăn xa, ông T không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, tuy nhiên, bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nay ông Hoàng Văn T đề nghị không công nhận ông T và bà H là vợ chồng, bà H hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Bà Phùng Thị H và ông Hoàng Văn T có 02 con chung là Hoàng Văn G, sinh ngày 03/11/1994 và Hoàng Thị H, sinh ngày 22/09/1996. Hoàng Văn G và Hoàng Thị H đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phùng Thị H khai vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 830. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 752583 mang tên Hoàng Văn T, Phùng Thị H. Trên thửa đất số 830, bà Phùng Thị H và ông Hoàng Văn T có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4. Bà Phùng Thị H có nguyện vọng được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa đất số 830 và toàn bộ tài sản trên đất. Bà H có nghĩa vụ trích phần chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho ông Hoàng Văn T.

Quá trình tố tụng, bà Phùng Thị H thống nhất với ông Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Tại bản tự khai, bà Hoàng Thị P – đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND phường N) trình bày: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, quá trình sử dụng thửa đất số 830 do ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có xây dựng công trình: 4,5m² sân nền, 4,5m² mái tôn chồng lán sang một phần thửa đất BCS và 02 trụ cổng; 1,3m tường gạch tấp lô phía Nam chồng lán đường thuộc quyền quản lý của UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Về phần tài sản chung của ông Hoàng Văn T, bà Phùng Thị H chồng lán sang phần diện tích đất thuộc quyền quản lý của UBND phường N, thị xã C. Nếu ông T, bà H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, UBND phường N đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò buộc ông Hoàng Văn T, bà Phùng Thị H dỡ bỏ toàn bộ tài sản chung chồng lán bao gồm: 4,5m² sân nền, 4,5m² mái tôn chồng lán sang một phần thửa đất BCS và 02 trụ cổng; 1,3m tường gạch tấp lô phía Nam chồng lán đường, trả lại hiện trạng phần diện tích đất thuộc quyền quản lý của UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Quá trình tố tụng đại diện UBND phường N có văn bản trình bày thống nhất với quan điểm của nguyên đơn, bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Ngoài ra, UBND phường N không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến khối tài sản chung của ông T, bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H là vợ chồng. Về con chung: Miễn xét; Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T; Về nghĩa vụ tài sản chung: Miễn xét.

Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do ông Hoàng Văn T yêu cầu, nơi ĐKKHKT và cư trú của bị đơn bà Phùng Thị H ở khối H (khối 08 cũ), phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, liên quan đến tài sản chung của ông T, bà H, Tòa án xác định anh Hoàng Văn G, sinh năm 1994, trú tại khối H, phường N, thị xã C và chị Hoàng Thị H, trú tại Tổ 08 Đa Sỹ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Phùng Thị L (trú tại khối H, phường N thị xã C, là người đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 830 cho ông Hoàng Văn T, bà Phùng Thị H), anh Phạm Văn C (trú tại khối H, phường N thị xã C, là con trai của bà Phùng Thị H) là người làm chứng. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh Hoàng Văn G, chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết công sức, tiền bạc trong khối tài sản chung của ông T, bà H. Anh G, chị H có văn bản đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy, Tòa án không đưa anh Hoàng Văn G, chị Hoàng Thị H, bà Phùng Thị L, anh Phạm Văn C vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông T và bà H là vợ chồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H đều thừa nhận ông T, bà H không đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994

và đã có 02 người con chung. Từ năm 1994 cho tới nay, ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H chưa thực hiện việc đăng lý kết hôn tại cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H.

Về quan hệ con chung: Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có 02 con chung là Hoàng Văn G, sinh ngày 03/11/1994 và Hoàng Thị H, sinh ngày 22/09/1996. Hoàng Văn G và Hoàng Thị H đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H trình bày ông T, bà H có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 830. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 752583 mang tên Hoàng Văn T, Phùng Thị H. Tại bản tự khai, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn G trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết công sức, tiền bạc trong khối tài sản chung của ông T, bà H. Quá trình tố tụng, ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản chung của ông Hoàng Văn T, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với phần tài sản chồng lấn: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, quá trình sử dụng thửa đất số 830 do ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H có xây dựng công trình: 4,5m² sân nền, 4,5m² mái tôn chồng lấn sang một phần thửa đất BCS và 02 trụ cổng; 1,3m tường gạch tấp lô phía Nam chồng lấn đường thuộc quyền quản lý của UBND phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Ông Hoàng Văn T rút yêu cầu chia tài sản chung, UBND phường Nghi Hương không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến khối tài sản chung của ông T, bà H. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phùng Thị H và ông Hoàng Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, không yêu cầu HĐXX giải quyết. Do vậy, HĐXX miễn xét.

[4]. Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hoàng Văn T và bà Phùng Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Văn T. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Miễn xét.

5. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.960.000đ (*Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò. Trả lại cho ông Hoàng Văn T số tiền 9.660.000đ (*Chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0001327 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh